

QUAN HỆ ĐỐI TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ ÚC



Người thực hiện: Hoàng Cửu Vỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10/2024

1. QUAN HỆ ĐỐI TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ ÚC

1.1. Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện

Quan hệ đối tác toàn diện giữa Việt Nam và Úc đã trải qua một hành trình đáng kể trong hơn 50 năm qua. Ngày 7/3/2024, tại Canberra, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có cuộc hội đàm sâu rộng với Thủ tướng Australia Anthony Albanese, đánh dấu một bước tiến quan trọng khi hai bên chính thức nâng cấp quan hệ lên mức **Đối tác Chiến lược toàn diện**. Đây là một cột mốc quan trọng trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước, nhằm củng cố và mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị, an ninh quốc phòng, đến kinh tế, giáo dục và biến đổi khí hậu.

Lĩnh vực hợp tác chính

Thương mại và đầu tư: Úc là một trong những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Năm 2023, kim ngạch thương mại song phương đạt khoảng 13,8 tỷ USD bao gồm các mặt hàng chủ yếu như nông sản, dệt may, và công nghệ. Hai nước đã ký kết nhiều hiệp định thương mại quan trọng, như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Úc - New Zealand (AANZFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển giao thương và đầu tư.

Giáo dục và đào tạo: Úc hiện là một trong những điểm đến hàng đầu cho sinh viên Việt Nam, với hàng chục nghìn sinh viên đang theo học tại các trường đại học và cao đẳng Úc. Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục không chỉ đóng góp vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Việt Nam mà còn tăng cường giao lưu văn hóa và sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai quốc gia.

Nông nghiệp và công nghệ: hai nước đã triển khai nhiều chương trình hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học, và phát triển bền vững. Úc đã hỗ trợ Việt Nam cải tiến công nghệ chế biến thực phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển chuỗi cung ứng bền vững.

Chính trị và an ninh: Việt Nam và Úc chia sẻ nhiều quan điểm tương đồng về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là trong việc duy trì hòa bình và ổn định. Hai nước đã hợp tác chặt chẽ trong các diễn đàn đa phương như Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Hợp tác an ninh giữa hai bên bao gồm việc trao đổi thông tin, phòng chống khủng bố, và đảm bảo an ninh hàng hải, góp phần quan trọng vào ổn định khu vực.

1.1.1. Thách thức và cơ hội

1.1.1.1. Thách thức

Khác biệt về chính trị và kinh tế: Dù hai nước có quan hệ hợp tác chặt chẽ, nhưng sự khác biệt về hệ thống chính trị và mô hình kinh tế vẫn đặt ra những giới hạn nhất định trong việc điều phối các chính sách đối ngoại, kinh tế, và an ninh. Úc là quốc gia theo mô hình dân chủ nghị viện, trong khi Việt Nam áp dụng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những khác biệt này có thể dẫn đến cách tiếp cận khác nhau trong việc giải quyết các vấn đề chung và đòi hỏi sự kiên nhẫn, đối thoại để tìm ra các giải pháp hài hòa.

Đảm bảo quyền lợi và lợi ích chung: Việc cân bằng và đảm bảo quyền lợi cho cả hai quốc gia là một thách thức lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như an ninh hàng hải, đầu tư nước ngoài, và bảo vệ môi trường. Cả hai nước cần phải tìm ra các cơ chế hợp tác mà cả hai đều có lợi, tránh những xung đột lợi ích và tạo sự tin cậy lẫn nhau.

Cạnh tranh trong khu vực và quốc tế: Sự cạnh tranh địa chính trị tại khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương, đặc biệt là sự ảnh hưởng của các cường quốc như Trung Quốc và Mỹ, có thể tác động đến quan hệ hợp tác Việt - Úc. Trong bối cảnh này, cả hai quốc gia cần duy trì sự độc lập và chiến lược khéo léo để đối phó với các tác động ngoại lai mà vẫn bảo vệ được lợi ích quốc gia.

1.1.1.2. Cơ hội

Mở rộng hợp tác kinh tế và thương mại: Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện tạo nền tảng vững chắc cho việc mở rộng hợp tác trong lĩnh vực kinh tế và thương mại. Cả hai nước đều là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do quan trọng, như CPTPP và RCEP, giúp thúc đẩy giao thương và đầu tư qua lại, với tiềm năng phát triển trong các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghệ và tài nguyên khoáng sản.

Hợp tác giáo dục và phát triển nguồn nhân lực: Úc là một trong những điểm đến du học hàng đầu cho sinh viên Việt Nam, và hai bên có thể tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong các ngành khoa học, công nghệ và quản trị kinh doanh. Việc này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu văn hóa và tri thức giữa hai quốc gia.

An ninh khu vực và quốc tế: Hợp tác về an ninh, đặc biệt là trong các vấn đề an ninh hàng hải, chống khủng bố, và an ninh mạng, đang trở thành những lĩnh vực trọng yếu trong quan hệ Việt - Úc. Sự phối hợp giữa hai nước trong các diễn đàn đa phương như ASEAN, APEC, và Liên Hợp Quốc có thể giúp đảm bảo ổn định khu vực và bảo vệ lợi ích chung trong bối cảnh các thách thức toàn cầu ngày càng phức tạp.

Phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu: Cả Việt Nam và Úc đều cam kết đẩy mạnh phát triển bền vững và tìm kiếm các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc hợp tác trong phát triển năng lượng tái tạo và quản lý tài nguyên thiên nhiên có thể mang lại lợi ích to lớn cho cả hai bên, đồng thời tạo cơ hội để thúc đẩy mô hình phát triển kinh tế xanh.

1.2. Các chính sách kinh tế mới tác động hoạt động xuất nhập khẩu

Các chính sách kinh tế mới giữa Úc và Việt Nam đang có những tác động sâu rộng đến hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần thúc đẩy mối quan hệ thương mại song phương. Dưới đây là phân tích về các chính sách quan trọng và những ảnh hưởng chính của chúng đến thương mại giữa hai nước.

1.2.1. Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTAs)

Một trong những yếu tố chính thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu giữa Úc và Việt Nam là việc thực thi các hiệp định thương mại tự do quan trọng. CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) đã giảm đáng kể các rào cản thuế quan kể từ khi có hiệu lực vào năm 2019, mở rộng cơ hội cho cả hai quốc gia trong việc xuất khẩu các sản phẩm như nông sản, dệt may, và công nghệ. Tương tự, AANZFTA (Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Úc - New Zealand) đã củng cố vị trí của Việt Nam như một đối tác thương mại quan trọng của Úc trong khu vực ASEAN, trong khi Úc cũng tận dụng hiệp định này để tiếp cận thị trường Việt Nam với các sản phẩm công nghệ cao và nông sản. RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực) đã có hiệu lực vào năm 2022, tiếp tục mở rộng khu vực thương mại tự do cho cả hai quốc gia, với cam kết giảm thuế quan và cải thiện điều kiện tiếp cận thị trường. Những hiệp định này không chỉ thúc đẩy dòng chảy thương mại song phương

mà còn góp phần tăng cường vị thế kinh tế của cả Úc và Việt Nam trong mạng lưới thương mại toàn cầu.

1.2.2. Chính sách kiểm soát chất lượng và tiêu chuẩn an toàn

Úc nổi tiếng với các tiêu chuẩn cao về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Các chính sách mới của Úc và cả Việt Nam đã đưa ra nhiều quy định nghiêm ngặt hơn về kiểm soát chất lượng sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt là trong lĩnh vực nông sản. Những thay đổi này đòi hỏi các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở cả hai quốc gia phải tuân thủ các quy định mới và thích nghi với các quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt hơn. Việc đồng bộ hóa các quy định và tiêu chuẩn giữa Úc và Việt Nam đã giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng hơn trong việc xuất khẩu hàng hóa, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường Úc.

1.2.3. Chính sách về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

Úc và Việt Nam đang áp dụng các chính sách phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu, có tác động trực tiếp đến lĩnh vực xuất nhập khẩu. Úc đang tăng cường yêu cầu đối với các sản phẩm nhập khẩu liên quan đến tiêu chuẩn môi trường và giảm thiểu khí thải carbon, đồng thời khuyến khích xuất khẩu các sản phẩm công nghệ xanh và năng lượng tái tạo. Việt Nam, với cam kết phát triển bền vững, cũng đã đặt ra các tiêu chuẩn cao hơn đối với các sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu của các thị trường quốc tế, bao gồm Úc.

1.2.4. Chính sách số hóa và thủ tục hải quan

Cả hai quốc gia đang đẩy mạnh số hóa trong quản lý hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông quan hàng hóa. Chính sách này giúp rút ngắn thời gian xử lý các lô hàng và giảm thiểu chi phí giao dịch. Việt Nam đã triển khai hệ thống hải quan điện tử VNACCS/VCIS, trong khi Úc cũng áp dụng các công nghệ tiên tiến để tự động hóa quy trình thông quan. Điều này không chỉ tăng cường tính minh bạch mà còn giúp các doanh nghiệp ở cả hai nước cải thiện hiệu quả xuất nhập khẩu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2024, Xuất khẩu nước/vùng lãnh thổ - mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2023.
2. Bộ công thương Việt Nam, 2024, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2020, Nhà xuất bản Bộ công thương.
3. Website Tổng cục Hải quan Việt Nam tại địa chỉ <https://www.customs.gov.vn/>
4. Cơ quan thống kê Úc, 10/2024, <https://www.abs.gov.au/>
5. Hệ thống cơ sở dữ liệu của ITC, 10/2024, <https://www.trademap.org/Index.aspx>
6. Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (WB), 10/2024.
7. <https://data.worldbank.org/country/australia>
8. Santander Trade Portal, 10/2024 <https://santandertrade.com/en/portal/analyse-markets>
9. Central Intelligence Agency, The World FactBook, 10/2024 <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/australia/>